**HD005: Thỏa thuận Sản xuất theo Hợp đồng Quốc tế**

|  |
| --- |
| **Giới thiệu**Hợp đồng Mẫu này là cơ sở cho cái gọi là **thỏa thuận sản xuất theo hợp đồng**, ví dụ khi Khách hàng muốn Nhà Sản xuất thiết kế, sản xuất và giao cho Khách hàng các hàng hóa mà Khách hàng dự định đưa vào sản phẩm hay dịch vụ cuối cùng của mình, và vì thế hàng hóa này phải đáp ứng một số yêu cầu cụ thể nhất định của Khách hàng”.1. Giống như hầu hết các Hợp đồng Mẫu trong cuốn sách này, Hợp đồng Mẫu này cung cấp rất nhiều lựa chọn tùy thuộc vào từng hoàn cảnh và tính chất của sản xuất. Nhiều quy định có thể không liên quan đến một hợp động cụ thể và nếu không liên quan thì nên bỏ đi.
2. Hợp đồng Mẫu đưa ra một *khung cơ bản* và hai chọn lựa chính. Khung cơ bản này được dựa trên giả định rằng *Nhà sản xuất được trang bị đầy đủ* và có công nghệ để sản xuất các sản phẩm phù hợp, với vị thế là bên chuyên môn nhất.

Hai lựa chọn, không loại trừ khung cơ bản nhưng có thể kết hợp với khung này và với nhau, được thiết kế cho các trường hợp (i) *Khách hàng phải cung cấp cho Nhà Sản xuất* những thiết bị/công cụ cụ thể (Điều 1.5) và (ii) *Khách hàng phải chuyển giao một phần* công nghệ của mình cho Nhà Sản xuất để Nhà Sản xuất hoàn thiện sản phẩm (Điều 1.4).1. Thỏa thuận mẫu này cũng đề cập đến các trường hợp/lựa chọn trong đó các Bên thỏa thuận rằng *Nhà Sản xuất phải trình sản phẩm mẫu* trước khi thực hiện sản xuất (Điều 1.6).
2. Các lựa chọn ban đầu này tất nhiên có thể cần được điều chỉnh cho phù hợp với các nhu cầu cụ thể của các Bên, hoặc cần bỏ đi. Các lựa chọn này không loại trừ nhau và có thể áp dụng kết hợp.
3. Điều 14, Điều 5 và 6 đề cập các vấn đề về *sở hữu trí tuệ*. Ở đây quyền sở hữu trí tuệ được giả định là đã được bảo hộ thông qua việc đăng ký theo đúng quy định. Hơn nữa, Điều 9 quy định nghĩa vụ bảo mật đối với cả hai bên trong đó tăng cường việc bảo hộ đặc biệt đối với bí quyết kỹ thuật cung cấp bởi một bên cho bên kia. Nên kiểm tra chắc chắn để đảm bảo rằng Cơ chế nêu trong Điều 6 có thể chấp nhận được theo bất kỳ luật cạnh tranh hay luật chống độc quyền nào được áp dụng cho hợp đồng.
4. Việc hợp tác của các Bên có thể là theo hợp đồng *có thời hạn*. Vì thế, cần nêu rõ thời hạn hợp tác (xem Điều 7.1). Một lựa chọn khác (không được đề cập trong mẫu này) có thể hợp đồng với các điều khoản cụ thể quy định việc gia hạn hợp đồng cần được hai bên cùng chấp thuận.
5. Liên quan đến vấn đề luật áp dụng cho hợp đồng (Điều 19), cần đặc biệt lưu ý rằng Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng Mua bán Thương mại Hàng hóa Quốc tế (CISG) *không áp dụng* cho loại thỏa thuận này, thỏa thuận mà “trong đó phần nghĩa vụ chính của bên cung cấp hàng hóa lại là nghĩa vụ cung cấp lao động hay các dịch vụ khác”. (Điều 3 (2) CISG).

Hợp đồng Mẫu này chỉ là khung cơ bản và cần được điều chỉnh cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể. |

***\*Ghi chú của người dịch:*** *Loại hợp đồng này có thể có một số đặc điểm gần giống với Hợp đồng gia công trong quy định của Luật Thương mại 2005 của Việt Nam – theo đó hợp đồng gia công là hợp đồng trong đó “bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao” (Điều 178 Luật Thương mại 2005). Mặc dù vậy, Hợp đồng mẫu này không phải là Hợp đồng gia công theo cách hiểu của Luật Thương mại Việt Nam bởi có những khác biệt lớn về quyền và nghĩa vụ của mối Bên trong hợp đồng. Vì vậy,chúng tôi cần giữ tên Hợp đồng là “sản xuất theo hợp đồng”.*

**HỢP ĐỒNG MẪU CỦA ITC VỀ THỎA THUẬN SẢN XUẤT**

**THEO HỢP ĐỒNG QUỐC TẾ**

***CÁC BÊN:***

***Nhà Sản xuất***

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (ví dụ Công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Nhà Sản xuất, số điện thoại, số fax, email)

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện)

***Khách hàng***

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Khách hàng Số điện thoại, số fax, email)

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện).

Sau đây gọi chung là “Các Bên”

**BỐI CẢNH CHUNG**

1. Khách hàng kinh doanh trong *[lĩnh vực/cung cấp – nêu cụ thể].*
2. Nhà Sản xuất thực hiện việc sản xuất và cung cấp *[nêu cụ thể hàng hóa/sản phẩm]* như một phần công việc kinh doanh của mình.
3. Nhà sản xuất có kinh nghiệm và chuyên môn trong thiết kế, lắp đặt và sản xuất hàng hóa và Khách hàng, dựa trên những điều đó, muốn Nhà sản xuất sẽ sản xuất và cung cấp hàng hóa liên quan đến công việc kinh doanh của Khách hàng, và Nhà sản xuất sẵn sàng sản xuất và cung cấp hàng hóa đó cho Khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng này.
4. Trong phạm vi mà việc thực hiện hợp đồng này đòi hỏi, các Bên phải trao đổi cho nhau thông tin về Công nghệ và thiết bị của mình *[Nếu không cần thiết, có thể xóa bỏ mục D này]*.
5. *[Nếu cần, có thể đưa ra giải thích ngắn gọn về lý do của hợp đồng này. Nó không cần, có thể xóa bỏ mục E này].*

**CÁC ĐIỀU KHOẢN HOẠT ĐỘNG**

1. **Sản xuất và cung cấp Hàng hóa**
	1. Tuân thủ các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng này và các quy định chi tiết hơn trong phụ lục 1, Nhà Sản xuất phải sản xuất và cung cấp hàng hóa sau đây cho Khách hàng (sau đây gọi là “Hàng hóa”): *[mô tả ngắn gọn Hàng hóa – các đặc điểm kỹ thuật chi tiết xem trong phụ lục 1]:*
* …………………………………………………………………………………..;
* …………………………………………………………………………………..;
* …………………………………………………………………………………..;
	1. Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao *tại [nêu rõ (các) địa điểm giao hàng – bỏ khoản 1.2 này nếu không liên quan]*:
* …………………………………………………………………………………..;
* …………………………………………………………………………………..;
* …………………………………………………………………………………..;
	1. Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao vào *[nêu ngày/giờ giao hàng].*

*[Tùy chọn 1: Nếu Hàng hóa phải được cung cấp trong một khoảng thời gian nhất định”*

*“1.3.1 Hàng hóa được sản xuất từ cung cấp cho khách hàng bởi Nhà sản xuất theo hợp đồng này phải được giao từ…………….. đến…………. [nêu cụ thể khung thời gian/thời hạn thực hiện] với các khoảng dừng sau………………. [nêu cụ thể nếu cần – bỏ nếu không liên quan].”]*

*[Tùy chọn 2:Nếu Hàng hóa được cung cấp theo từng đợt định kỳ và không có giới hạn về thời gian:*

*“1.3.1 Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà Sản xuất theo hợp đồng này phải được giao từ……………………….. [nêu cụ thể ngày giao hàng đầu tiên], với các đợt như sau…………………….. [nêu cụ thể lịch giao hàng và các khoáng dừng giữa các đợt].”.]*

*[Tùy chọn 3: Nếu Hàng hóa được sản xuất và cung cấp theo các đơn đặt hàng của Khách hàng:*

*“1.3.1 Hàng hóa được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng bởi Nhà sản xuất theo hợp đồng này phải được giao trong vòng…………………… ngày/tuần/ [nêu số ngày/tuần] kể khi có đơn đặt hàng của Khách hàng. Đơn hàng của Khách hàng phải được chuyển đến với Nhà Sản xuất không muộn hơn……………. tuần [nêu rõ số tuần] trước khi bắt đầu mỗi quý/tháng [chọn cái nào liên quan] và phải nêu tất cả hàng hóa cần được sản xuất và cung cấp cho Khách hàng trong suốt quý/tháng đó [chọn cái nào liên quan]. Mỗi đơn đặt hàng của khách hàng phải là bản chốt cuối cùng trừ khi Nhà Sản xuất đưa ra các lý do hợp lý dễ sửa các đơn hàng được đặt bởi Khách hàng trước khi bắt đầu quý/tháng phải thực hiện đơn hàng. Các đơn đặt hàng phải bằng tài bán, nếu chỉ bằng lời nói thì phải được xác nhận bởi Khách hàng bằng văn bản trong một khoảng thời gian hợp lý.”.]*

* 1. *[Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp Khách hàng phải tiết lộ cho Nhà Sản xuất công nghệ của mình cần thiết để Nhà Sản xuất có thể sản xuất Hàng hóa theo các đặc điểm quy định trong phụ lục 1. Nếu Điều 1.4 này áp dụng, kiểm tra xem liệu có nên áp dụng đồng thời Điều 5 không - Điều 1.4 này, hoặc một phần của nó, có thể xóa nếu không liên quan/không thể áp dụng.]*

Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt đầu thực hiện hợp đồng này, bằng chi phí của mình, Khách hàng phải tiết lộ cho Nhà Sản xuất về công nghệ cần thiết để Nhà Sản xuất có thể sản xuất Hàng hóa phù hợp với đặc điểm quy định trong trong phụ lục 1.

* + 1. Bất kỳ việc tiết lộ bí quyết công nghệ nào sẽ phải theo quy định bảo mật trong Điều 9 nhưng không có quy định nào trong hợp đồng này yêu cầu khách hàng phải chuẩn bị đặc biệt bất kỳ loại Công nghệ nào hay phải tham gia vào bất kỳ dự án nghiên cứu hay phát triển nào nhân danh Nhà Sản xuất.
		2. Khách hàng phải cho phép Nhà Sản xuất gửi, bằng chi phí của Nhà Sản xuất, các nhân viên có năng lực của Nhà Sản xuất sang Cơ sở của Khách hàng để được đào tạo công nghệ của Khách hàng. Số lượng nhân viên của Nhà Sản xuất đến bất kỳ Cơ sở nào của Khách hàng và thời điểm những đợt đến này cũng như bất kỳ vấn đề liên quan nào khác như an ninh, an toàn, bồi thường thiệt hại trong trường hợp có sơ suất... phải được thỏa thuận trước giữa khách hàng và Nhà Sản xuất.
		3. Nhà Sản xuất không được phép cung cấp Hàng hóa được sản xuất thông qua việc sử dụng Công nghệ của Khách hàng cho bất kỳ người nào khác ngoài Khách hàng.
	1. *[Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp Khách hàng phải cung cấp cho Nhà sản xuất một số thiết bị cụ thể nhất định – có thể xóa khoản này nếu không phù hợp/không thể áp dụng.]*

Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt đầu thực hiện hợp đồng này, Khách hàng bằng chi phí của mình, phải cung cấp cho Nhà Sản xuất bất kỳ thiết bị nào cần thiết để sản xuất Hàng hóa theo hợp đồng này, và sẽ phải lắp đặt thiết bị đó tại cơ sở của Nhà sản xuất.

* + 1. Khách hàng phải đảm bảo rằng, tại thời điểm lắp đặt tại cơ sở của Nhà Sản xuất, thiết bị phải trong tình trạng hoạt động tốt và phù hợp với mục đích của chúng trong khoảng thời gian là ……… giờ sản xuất *[nêu cụ thể số giờ]*, với sự hao mòn hợp lý và ngoại trừ trong trường hợp bảo dưỡng hay vận hành không đúng hay bất kỳ lỗi nào khách từ phía Nhà Sản xuất.
		2. Thiết bị về vẫn hoàn toàn thuộc sở hữu của Khách hàng, nhưng trong thời gian chúng thuộc quyền chiếm hữu của Nhà Sản xuất thì Nhà Sản xuất phải chịu các rủi ro đối với thiết bị. Theo đó, Nhà Sản xuất phải đảm bảo rằng, thiết bị được cất trữ đúng cách và an toàn và được xắc định là tài sản của Khách hàng và không chia sẻ quyền chiếm hữu hoặc quyền tiếp cận thiết bị với bất kỳ bên thứ ba nào.
		3. Nhà Sản xuất phải mua bảo hiểm tại công ty bảo hiểm có uy tín để bảo hiểm cho chi phí thay thế, sửa chữa thiết bị và thiệt hại, và lợi ích của Khách hàng phải được ghi trên đơn bảo hiểm.
		4. Tùy từng thời điểm trong suốt thời hạn hợp đồng này và theo yêu cầu hợp lý và thích đáng bằng văn bản của Nhà Sản xuất, Khách hàng phải hoàn lại cho Nhà Sản xuất các chi phí hợp lý của bất kỳ thiết bị nào cần thiết để bảo dưỡng, sửa chữa hay thay thế thiết bị ngoại trừ trong trường hợp lỗi từ phía Nhà Sản xuất.
		5. Nhà Sản xuất chỉ được sử dụng thiết bị của Khách hàng duy nhất cho mục đích cung cấp Hàng hóa cho Khách hàng theo hợp đồng này và Nhà Sản xuất cũng không được phép cung cấp Hàng hóa sản xuất bằng việc sử dụng thiết bị này của Khách hàng cho bất kỳ người nào khác ngoài Khách hàng.
	1. *[Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp mà Khách hàng yêu cầu Nhà Sản xuất nộp các mẫu trước khi bắt đầu sản xuất – toàn bộ khoản này có thể xóa nếu không liên quan/không thể áp dụng].* Nhà Sản xuất phải, trong vòng………… ngày/tuần *[nêu rõ số ngày/tuần]* sau khi bắt đầu hợp đồng này. Lựa chọn khác: Ngay sau khi tiết lộ cho bên kia về bí quyết công nghệ và cung cấp và lắp đặt thiết bị theo Điều 1.4], nộp cho Khách hàng phê duyệt các mẫu Sản phẩm trước khi sản xuất. Nhà Sản xuất không được phép bắt đầu sản xuất Hàng hóa cho đến khi Khách hàng thông báo bằng văn bản việc chấp nhận các mẫu cho Nhà Sản xuất. Chấp thuận không thể bị rút lại hay trì hoán một cách không hợp lý bởi Khách hàng và một khi đã được đưa ra, chấp thuận sẽ được coi như một xác nhận không thể bị hủy bỏ rằng Hàng hóa được sản xuất theo mẫu (hoặc có sai khác trong giới hạn cho phép trong sản xuất công nghiệp) được coi là phù hợp với các đặc điểm quy định trong phụ lục 1 và thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng quy định trong Điều 4, trừ những lỗi không thể bị phát hiện trong quá trình kiểm tra bình thường bởi Khách hàng.
	2. Tại bất cứ thời điểm nào, một trong hai bên đều có thể yêu cầu Hàng hóa phải được điều chỉnh/sửa để đảm bảo các yêu cầu của pháp luật về an toàn hay các vấn đề khác. Nếu thay đổi do sự điều chỉnh/sửa đổi đó ảnh hưởng hưởng đáng kể đến tính chất hay chất lượng của Hàng hóa, các Bên phải đàm phán lại trên tinh thần thiện chí về các vấn đề liên quan của hợp đồng này hay bất kỳ phụ lục nào.
1. **Điều khoản thanh toán**
	1. Hàng hóa theo hợp đồng này phải được bán:
		1. Theo giá được tính theo phụ lục 2; và
		2. Theo các điều khoản mua bán quy địnhtrong phụ lục 4, không bao gồm bất kỳ điều khoản nào khác trừ các điều khoản quy định trong hợp đồng này hoặc được các Bên chấp thuận bằng văn bản.
	2. Nhà Sản xuất phải phát hành hóa đơn cho Khách hàng cho Hàng hóa đã cung cấp theo hợp đồng này sau mỗi lần giao hàng cho Khách hàng.
	3. Phù hợp với các quyền trong Điều 4, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ số tiền trên mỗi hóa đơn của Nhà Sản xuất gửi theo Điều 2.2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn.
2. **Chậm thanh toán và lãi suất trả chậm**

Nếu việc thanh toán không được thực hiện vào ngày đến hạn, nhà cung cấp có quyền, không giới hạn bất cứ quyền nào khác mà bên này có thể có, tính lãi đối với số tiền trả chậm (cả trước và sau bất kỳ quyết định giải quyết tranh chấp nào) với mức lãi suất là *[nêu rõ]* % mỗi năm.

*[Bình luận: Các Bên cần chú ý rằng trong một số hệ thống luật pháp, việc trả lãi là bất hợp pháp hoặc phải theo mức lãi suất tối đa theo luật, hoặc pháp luật có quy định về tài suất đối với chậm thanh toán.]*

1. **Chất lượng sản phẩm**
	1. Khi ký kết hợp đồng này, Khách hàng tin tưởng vào chuyên môn của Nhà Sản xuất trong việc sản xuất Hàng hóa liên quan, và tương ứng với đó Nhà Sản xuất phải đảm bảo với Khách hàng rằng tất cả hàng hóa theo hợp đồng này sẽ:
		1. Phù hợp về mọi mặt với các đặc điểm quy định trong phụ lục 1;
		2. Trong thời gian *[nêu rõ thời gian]* kể từ ngày giao hàng, có chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng và không có lối thiết kế, gia công hay vật liệu; trong trường hợp giao hàng có lỗi hoặc không phù hợp, Nhà Sản xuất phải khắc phục lỗi hoặc điểm không phù hợp đó trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo bằngvăn bản với đầy đủ các chi tiết về lỗi sản phẩm hay sự không phù hợp và các yêu cầu khắc phục. Nếu lỗi hay sự không phù hợp của sản phẩm nghiêm trọng đến mức tạo thành vi phạm đáng kể bất kỳ quy định nào trong hợp đồng và nếu Nhà Sản xuất không khắc phục được vấn đề này trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản nói trên, Khách hàng có quyền hủy hợp đồng này theo Điều 7.2.1.

Phù hợp với tất cả……. tiêu chuẩn và luật lệ áp dụng liên quan đến Hàng hóa *[nêu cụ thể loại tiêu chuẩn/luật/quy tắc – xóa nếu không phù hợp].*

* 1. *[Chỉ áp dụng trong trường hợp các mẫu đã được gửi tới cho Khách hàng]* Trên cơ sở tuân thủ Điều 1.6, Khách hàng có thể từ chối bất kỳ Hàng hóa nào không phù hợp với Điều 1.4.
	2. Với mục đích đảm bảo với Khách hàng về chất lượng Hàng hóa theo hợp đồng này, Nhà Sản xuất phải chấp nhận cho các đại diện được ủy quyền hợp pháp của Khách hàng, tại bất cứ thời điểm nào trong giờ làm việc thông thường và với thông báo hợp lý, kiểm tra bất kỳ cơ sở nào của Nhà Sản xuất hay bên thứ ba, nơi Hàng hóa, việc dán nhãn hay đóng gói Hàng hóa được thực hiện, sản xuất hoặc cất giữ bởi hoặc cho Nhà Sản xuất.
	3. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào chống lại Khách hàng phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc sản xuất Hàng hóa, hay lỗi của hàng hóa, trừ khi khiếu nại các lỗi xuất phát từ việc nêu yêu cầu của Khách hàng hay do công nghệ và thiết bị cung cấp bởi Khách hàng, Nhà Sản xuất phải bồi thường cho Khách hàng tất cả các thiệt hại hoặc các khoản bồi thường khác mà Khách hàng phải chịu liên quan đến khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại hoặc các khoản bồi thường đã hoặc sẽ phải trả trong quá trình giải quyết khiếu nại đó cùng với tất cả các chi phí pháp lý và chi phí khác mà Khách hàng phải chịu trong quá trình tham gia giải quyết khiếu nại đó. Khách hàng phải thông báo cho Nhà Sản xuất sớm nhất có thể sau khi biết về khiếu nại và phải có những hành động hợp lý theo yêu cầu của Nhà Sản xuất để tránh thỏa hiệp hay biện hộ bất kỳ khiếu nại hay kiện tụng rào làm quan đến khiếu nại, với điều kiện khách hàng phải được bồi thường và hoàn trả tất cả các chi phí phát sinh khi thực hiện việc này.
	4. Dù có các quy định khác trong hợp đồng này, trừ khi có thiệt hại về tính mạng hay thân thể gây ra do lỗi bất cẩn của Nhà Sản xuất, Nhà Sản xuất không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất cứ thiệt hại về lợi nhuận nào, hay bất kỳ thiệt hại hay mất mát, chi phí, khoản chi hay các khiếu nại gián tiếp, đặc biệt hay hệ quả nào (do lỗi bất cẩn của Nhà Sản xuất hay nhân viên hay đại lý của Nhà Sản xuất) phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc sản xuất hay cung cấp Hàng hóa (gồm cả sự chậm trễ trong cung cấp hay không cung cấp hàng hóa theo hợp đồng này hoặc cả hai), việc sử dụng hay bán lại của Khách hàng hay việc sử dụng bởi bất cứ khách hàng nào của Khách hàng và tống mức trách nhiệm Nhà Sản xuất phải chịu cho các mát mát, thiệt hại chi phí, chi tiêu hay các khiếu nại khác không vượt quá giá trị Hàng hóa.
1. **Quyền sở hữu trí tuệ và thương hiệu**

*[Chỉ dành cho các hợp đồng/trường hợp Khách hàng phải tiết lộ công nghệ được bảo hộ bởi quyền sở hữu trí tuệ cho Nhà Sản Xuất (xem Điều 1.4 phía trên) – Điều này hoặc một phần Điều này có thế xóa nếu không liên quna/không phù hợp.]*

* 1. Để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này, Khách hàng cho phép Nhà Sản xuất:
		1. Sử dụng công nghệ được chia sẻ theo Điều 1.4 và bất kỳ tài sản trí tuệ nào của Khách hàng liên quan đến công nghệ đó; và
		2. Sử dụng thương hiệu của Khách hàng cho Hàng hóa.
	2. Tuân thủ Điều 5.1, Nhà Sản xuất không có quyền gì liên quan đến công nghệ theo Điều 1.4, đến bất cứ tài sản trí tuệ nào liên quan đến công nghệ này hay bất cứ thương hiệu nào và Nhà Sản xuất không được phép sử dụng công nghệ đó hay bất kỳ tài sản trí tuệ vào trừ khi khi vì mục đích quy định trong Điều 5.1 và khá phù hợp với hợp đồng này.
	3. Nhà Sản xuất phải sử dụng thương hiệu cho hoặc liên quan đến Hàn hóa dưới hình thức và cách thức do Khách hàng quy định tại từng thời điểm, và không được làm khác.
	4. Tất cả các hình minh họa do Khách hàng cung cấp tại mỗi thời điểm để sử dụng liên quan đến Hàng hóa hay nhãn mác và tất cả các tài sản trí tuệ liên quan thuộc độc quyền của Khách hàng.
	5. Theo yêu cầu và bằng chi phí của Khách hàng, Nhà Sản xuất phải thực hiện các bước mà Khách hàng yêu cầu để hỗ trợ Khách hàng duy trì tính hiệu lực và tính thực thi của bất kỳ tài sản trí tuệ nào được đề cập trong Điều 5.1 hoặc 5.4 và cả các nhãn hiệu và Nhà Sản xuất phải ký kết các hợp đồng cấp li-xăng mà Khách hàng yêu cầu một cách hợp lý cho các mục đích nêu trên. Nhà Sản xuất không được phép giới thiệu rằng mình có bất kỳ tư cách hay quyền sở hữu nào đối với bất kỳ thương hiệu nào hay thực hiện bất kỳ hành động nào làm tổn hại đến quyền của Khách hàng đối với bất kỳ thương hiệu nào hay thực hiện bất kỳ hành động nào làm tổn hại đến quyền của Khách hàng đối với bất kỳ thương hiệu nào hoặc gây ra nghi ngờ về tính hiệu lực của việc đăng ký.
	6. Nhà Sản xuất phải thông báo sớm và đầy đủ cho Khách hàng về bất kỳ vi phạm thực tế hay đe dọa vi phạm nào đối với quyền sở hữu trí tuệ để cập trong Điều 5.1 hay 5.4 hay đối với các thương hiệu mà Nhà Sản xuất biết hoặc nghi ngờ là đã hay có thể xảy ra.
	7. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào đối với Nhà Sản xuất rằng việc sản xuất hay mua bán Hàng hóa là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hay bất cứ quyển nào khác của bên thứ ba, Khách hàng phải, trừ khi khiếu nại do lỗi của Nhà Sản xuất, phải bồi thường cho Nhà Sản xuất tất cả các thiệt hại hoặc các khoản bồi thường khác mà Nhà Sản xuất phải chịu liên quan đến khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại hoặc các khoản bồi thường đã hoặc sẽ phải trả trong quá trình giải quyết khiếu nại đó cùng với tất cả các chi phí pháp lý và chi phí khác mà Nhà Sản xuất phải chịu trong quá trình tham gia giải quyết khiếu nại đó, Nhà Sản xuất phải thông báo cho Khách hàng sớm nhất có thể sau khi biết về khiếu nại và phải có những hành động hợp lý theo yêu cầu của khách hàng để tránh, thỏa hiệp hay biện hộ bất kỳ khiếu nại hay kiện tụng nào liên quan đến khiếu nại, với điều kiện Nhà Sản xuất phải được bồi thường và hoàn trả tất cả các chi phí phát sinh khi thực hiện việc này.
1. **Sự hợp tác giữa các bên để cải tiến và điều chỉnh**
	1. Khách hàng và Nhà Sản xuất phải gặp nhau mỗi quý một lần để rà soát lại các vấn đề có thể liên quan đến sản xuất, mua bán, sử dụng hay phát triển hàng hóa.
	2. Không giới hạn phạm vi chung của Điều 6.1:
		1. Khách hàng phải cung cấp cho Nhà Sản xuất các chi tiết cải tiến thuộc về Khách hàng mà Khách hàng muốn đưa vào Hàng hóa hay bất kỳ điều chỉnh nào mà Khách hàng muốn thực hiện đối với Hàng hóa tại bất kỳ thời điểm nào; và
		2. Nhà Sản xuất phải cung cấp cho Khách hàng các chi tiết về bất kỳ sự cải tiết nào được thực hiện, phát triển hay có được bởi Nhà Sản xuất tại từng thời điểm.
	3. Bất kỳ sự cải tiến nào đề cập trong Điều này đều có nghĩa là sự phát triển, tăng cường hoặc phái sinh từ Hàng hóa hay thiết kế của hàng hóa hay quy trình sản xuất hàng hóa làm Hàng hóa rẻ hơn, hiệu quả hơn hay giá trị hơn hoặc bất kỳ cách thức nào khác giúp cho Hàng hóa được yêu thích hơn trên thị trường.
	4. Quyền sở hữu và bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào liên quan đến cải tiến được thực hiện, phát triển hay có được bởi một trong hai bên bên đó, nhưng Khách hàng có thể sử dụng bất kỳ cải tiến nào được thực hiện, phát triển hay có được bởi Nhà Sản xuất và bất kỳ tài sản trí tuệ nào có thể đăng ký được của Nhà Sản xuất với mục đích riêng của mình thông qua hình thức cấp li-xăng không độc quyền, không có phí bản quyền và không hạn chế thời gian.
	5. Nhà Sản xuất không được rút lại chấp thuận của mình một cách bấ hợp lý đối với việc đưa bất kỳ cải tiến nào thuộc về Khách hàng vào Hàng hóa hay bất kỳ điều chỉnh nào đối với Hàng hóa được đề cập trong Điều 6.2.1, hay bất kỳ cải tiến nào thuộc về Nhà Sản xuất đề cập trong Điều 6.2.2 và 6.4.
	6. Trong giới hạn cần thiết, việc cải tiến hay điều chỉnh Hàng hóa được thỏa thuận giữa Khách hàng và Nhà Sản xuất phải được ghi lại bằng văn bản trong Phụ lục 1 như là sửa đổi miêu tả Hàng hóa đã được thống nhất bằng hợp đồng.
2. **Thời hạn hợp đồng và chấm dứt hợp đồng**
	1. Hợp đồng này có hiệu lực vào ngày cả hai bên ký vào hợp đồng, nếu các bên không ký đồng thời thì sẽ vào ngày của chữ ký cuối cùng. Trừ khi chấm dứt sớm hơn theo Điều 7.2 hay 7.3, hợp đồng này có thời hạn là *[nêu cụ thế thời hạn – kiểm tra lại xem quy định này có phù hợp mới Điều 1.3 không]*.
	2. Các bên có quyền tại bất kỳ thời điểm nào chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia nếu:
		1. Bên kia có vi phạm tiếp tục hoặc vi phạm cơ bản các điều khoản trong hợp đồng này và không tuân thủ chế tài cho việc vi phạm trong vòng 30 ngày sau khi có thông báo bằng văn bản nêu đầy đủ các chi tiết vi phạm và yêu cầu thực hiện các chế tài.
		2. Một người được chỉ định sở hữu hoặc tiếp nhận tài sản của bên kia;
		3. Bên kia có bất kỳ thỏa thuận tự nguyện nào với các trái chủ hoặc phải tuân theo một lệnh hành chính nào;
		4. Bên kia phá sản/giải thể (trừ khi với mục đích hợp nhất, tái cấu trúc hay các hình thức tái tổ chức khác và theo đó công ty được hình thành do tái tổ chức, chấp thuận bị ràng buộc hay chịu nhiệm đối với các nghĩa vụ của bên kia theo hợp đồng này); hay
		5. Bên kia dừng hoặc có nguy cơ phải dừng việc kinh doanh của mình.
	3. *[Chỉ khi mẫu được nộp cho Khách hàng theo tiêu Điều 1.6 – nếu không, có thể bỏ Điều 7.3.]*

Khách hàng có thể ngay lập tức chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà Sản xuất nết Nhà Sản xuất không sản xuất mẫu Hàng hóa theo Điều 1.6 phù hợp với các miêu tả và thỏa mãn các yêu cầu của Khách hàng trước hoặc vào........... *[nêu rõ ngày]*.

* 1. Bất kỳ sự bỏ qua nào của một bên đối với một vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này sẽ không được xem như sự đồng ý bỏ qua cho một vi phạm tiếp theo đối với cùng một điều khoản hoặc bất kỳ điều khoản nào khác.
	2. Quyền chấm dứt hợp đồng này theo Điều này sẽ không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào khác hay bất kỳ chế tài nào của một trong hai bên đối với hành vi vi phạm hợp đồng liên quan (nếu có) hay bất kỳ sự vi phạm nào khá
1. **Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng**
	1. Khi chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do nào, Nhà Sản xuất phải bán cho Khách hàng tất cả hàng hóa đã được sản xuất bởi Nhà Sản xuất nhưng chưa được giao cho Khách hàng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng và tất cả nhãn hàng, đồ đóng gói Hàng hóa có thể sử dụng nhưng chưa được sử dụng còn lại, với giá bằng với chi phí của Nhà Sản xuất.
	2. Phù hợp với Điều 8.1, khi hủy hợp đồng này vì bất cứ lý do nào, Nhà Sản xuất phải:
		1. Phù hợp với Điều 1.4, ngừng sản xuất và bán Hàng hóa, hoặc ngừng sử dụng, trực tiếp hay gián tiếp, bất cứ công nghệ nào được dẫn chiếu đến trong Điều 1.4 hoặc các tài sản trí tuệ đề cập trong Điều 5 và ngay lập tức trả lại cho Khách hàng bất cứ chứng từ nào mà bên này giữ hoặc kiểm soát, có chứa hoặc ghi lại bất kỳ phần nào của công nghệ hay tài sản trí tuệ đó;
		2. Ngừng sử dụng bất kỳ thương hiệu nào;
		3. Chấp nhận hủy bất kỳ giấy phép li-xăng chính thức nào được cấp cho mình, hoặc bất kỳ bản sao về giấy này trong sổ đăng ký liên quan đến tài sản trí tuệ của Khách hàng hay bất kỳ thương hiệu nào; và
		4. Bằng chi phí của mình ngay lập tức trả lại thiết bị cho Khách hàng;
	3. Theo quy định trong Điều này và trừ khi có bất kỳ quyền đặc biệt nào phát sinh, không bên nào phải có bất kỳ nghĩa vụ thêm nào đối với bên kia.
	4. Các quy định trong Điều 9, 18 và 19 sẽ tiếp tục có hiệu lực cho dù hợp. đồng đã bị chấm dứt vì bất cứ lý do gì.
	5. Việc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực hay việc tiếp tục có hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này mà có quy định rõ ràng hoặc hàm ý ràng sẽ có hiệu lực hoặc tiếp hiệu lực sau khi chấm dứt hợp đồng.
2. **Bảo mật**
	1. Cả hai bên hiểu và thừa nhận rằng theo hợp đồng này, họ có thể nhận biết hoặc biết các thông tin thuộc về hoặc liên quan tới bên kia, tới hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, công việc hay các hoạt động của bên kia, những thông tin vốn được xem là một và thuộc sở hữu của bên kia và/hoặc các Nhà Sản xuất và/hoặc Khách hàng của bên kia mà các bên bị ràng buộc bởi nghĩa vụ phải bảo mật (“Các Thông tin Mật”).
	2. Vì vậy, tại bất kỳ thời điểm nào cả trong thời hạn hợp động và sau khi kết thúc hợp đồng, không bên nào được trực tiếp hay gián tiếp tiết lộ cho bất kỳ người nào khác về công nghệ hay Các Thông tin Mật khác cho bên này bởi bên kia theo hợp đồng này và phải nỗ lực hết mình để giữ bí mật về Công nghệ đó cũng như các thông tin mật khác (dù có được nêu rõ là mật hay không), trừ khi có quy định khác trong Điều 9.3 hoặc 9.4.
	3. Bất kỳ công nghệ hay Các Thông tin Mật khi được đề cập trong Điều 9.1 có thể được tiết lộ cho:
		1. Bất kỳ nhà thầu nào hay nhà cung cấp nào của bên kia liên quan đến các thiết bị hay sản phẩm;
		2. Bất kỳ cơ quan chính phủ, cơ quan quản lý hay cơ quan thẩm quyền khác; hoặc
		3. Bất kỳ giám đốc hay nhân viên của bên này, chỉ trong phạm vi cần thiết theo mục đích của hợp đồng này hoặc theo yêu cầu của luật pháp và với mỗi trường hợp (ngoại trừ Điều 9.3.2) bên đó phải có được (và cung cấp cho bên kia một bản sao) cam kết bằng văn bản từ người được tiết lộ thông tin (theo cách khả thi nhất theo các quy định của Điều này) rằng sẽ giữ bí mật thông tin này và chỉ sử dụng duy nhất vào mục đích như đã nêu.
	4. Bất kỳ công nghệ hay Thông tin bí mật quy định trong Điều 9.1 có thể được sử dụng bởi bên liên quan vì bất kỳ mục đích gì, hoặc được tiết lộ bởi bên đó cho bất kỳ người nào khác chỉ khi bất kỳ phần nào của thông tin đó vào ngày ký hợp đồng này hoặc sau đó trở thành thông tin đại chúng mà không phải do lỗi của bên này, với điều kiện là khi làm như vậy bên này không tiết lộ bất cứ điều gì về công nghệ hoặc Các Thông tin Mật mà vẫn chưa phải là thông tin đại chúng.
	5. Các cam kết này và các nghĩa vụ kèm theo sẽ tiếp tục có hiệu lực không giới hạn về thời gian.
3. ***Bất khả kháng* – miễn trách cho các vi phạm hợp đồng**
	1. *“Sự kiện bất khả kháng”* là chiến tranh, trường hợp khẩn cấp, tai nạn, hỏa hoan động đất, lũ lụt, bão, đình công hoặc bất kỳ những trở ngại nào khác mà bên bị ảnh hưởng chứng minh được rằng nó vượt quá tầm kiểm soát của bên đó và không thể dự đoán được tại thời điểm ký kết hợp đồng hoặc không thể tránh hoặc vượt qua được sự kiện đó hoặc các hệ quả của nó một cách hợp lý.
	2. Một bên bị tác động bởi *sự kiện bất khả kháng* sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng hay phải chịu trách nhiệm với bên kia về bất kỳ sự chậm thực hiện, hay không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của hợp đồng này với điều kiện sự chậm trễ hay không thực hiện này có nguyên nhân từ *sự kiện bất khả kháng* đã được thông báo cho bên kia theo Điều 10.3. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ sẽ được gia hạn tương ứng tuân thủ Điều 10.4.
	3. Nếu một *sự kiện bất khả kháng* xảy ra liên quan đến một trong hai bên ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng, bên này phải thông báo trong một thời gian hợp lý cho bên kia về tính chất của sự kiện này và ảnh hưởng của nó đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên này.
	4. Nếu việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này bởi một trong hai bên bị trì hoãn hoặc cản trở bởi *sự kiện bất khả kháng* trong một thời gian liên tục vượt quá ba *[có thể đưa ra số khác]* tháng, bên kia được quyền chấm dứt hủy hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

*[Tùy chọn: Có thể thay Điều 10.4 bằng quy định sau đây:*

*“10.4 Nếu việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này bởi một trong hai bên bị trì hoãn hoặc cản trở bởi* sự kiện bất khả kháng *trong một thời gian liên tục vượt quá ba [nêu một số khác, nếu muốn] tháng, các Bên phải thương lượng một cách thiện chí và nỗ lực hết sức để đạt được thống nhất về những sửa đổi đối với hợp đồng này hoặc các thu xếp khác công bằng và hợp lý với mục tiêu nhằm giảm bớt các tác động của* sự kiện bất khả kháng*. Những nếu các Bên không đạt được thỏa thuận về những sửa đổi hay thu xếp như vậy trong vòng 30 [nêu một số khác, nếu muốn] ngày tiếp theo, Bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên bị ảnh hưởng bởi* sự kiện bất khả kháng*.”.]*

1. **Thay đổi hoàn cảnh (gánh nặng nghĩa vụ)**

*[Bình luận: Các Bên được tự do tham vấn với nhau trong trường hợp có những thay đổi hoàn cảnh đáng kể – đặc biệt nếu sự thay đổi này tạo ra gánh nặng nghĩa vụ cho một bên nào đó. Tuy nhiên, một doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chỉ nên đưa vào hợp đồng tùy chọn cuối Điều 11.4 (quyền đưa ra tòa án/trọng tài để sửa hay chấm dứt hợp đồng) nếu (i) SME này thấy rằng không có khả năng điều này sẽ bị sử dụng đi ngược lại lợi ích của mình bởi một bên ở vị thế chiến lược lạ hơn (ii) quyền đưa ra tòa án/trọng tài đã là một quyền đang tồn tại theo luật áp dụng của hợp đồng trong trường hợp xảy ra gánh nặng nghĩa vụ.]*

* 1. Nếu việc thực hiện hợp đồng trở nên bất lợi hơn cho một trong các Bên, bên này, mặc dù vậy, vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình nhưng với các quy định về thay đổi hoàn cảnh (gánh nặng nghĩa vụ).
	2. Tuy nhiên, nếu sau thời điểm ký kết hợp đồng này, xảy ra các sự kiện không được dự kiến bởi các Bên và làm thay đổi về cơ bản cần bằng lợi ích của hợp đồng hiện tại, do đó đòn gánh nặng thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng một cách bất hợp lý vào một Bên, bên đó có quyền yêu cầu sửa đổi hợp đồng này miễn là:
		1. Các sự kiện này đã không thể được tính đến một cách hợp lý bởi bên bị ảnh hưởng tại thời điểm ký kết hợp đồng.
		2. Các sự kiện này năm ngoài tam kiểm soát của bên bị ảnh hưởng; và
		3. Các rủi ro của sự kiện này không phải là rủi ro mà theo hợp đồng này Bên bị ảnh hưởng phải chịu.
	3. Mỗi bên phải xem xét một cách thiện chí bất kỳ đề xuất sửa đổi nào mà bên kia nghiêm túc đưa ra vì lợi ích của mối quan hệ giữa các Bên.

*[Tùy chọn: Bổ sung đoạn sau đây nếu muốn, hoặc bỏ trong trường hợp không thả thi hoặc không thực thi được theo pháp luật được chọn là luật áp dụng của hợp đồng này – xem bình luận phía đầu Điều 11.*

*“11.4 Nếu các Bên không đạt được thỏa thuận về sửa đổi được yêu cầu trong vòng [nêu rõ thời hạn thích hợp], một bên có thể sử dụng thủ tục giải quyết tranh chấp quy định trong Điều 18. [Tòa án/trọng tài] có quyền thực hiện bất kỳ sửa đổi nào đối với hợp đồng này mà họ thấy là hợp lý và công bằng trong hoàn cảnh cụ thể liên quan hoặc hủy hợp đồng vào ngày và theo các điều khoản được quy định trước.”.]*

1. **Không hợp danh hay có quan hệ đại lý**

Không có gì trong hợp đồng này có thể được coi là (i) cấu thành nên mối quan hệ hợp danh theo pháp luật giữa hai Bên, (ii) khiến một bên trở thành đại diện ủy quyền của bên kia vì bất kỳ mục đích gì hay (iii) cho một bên quyền cam kết hay ràng buộc bên kia (hoặc bất kỳ thành viên nào của nhóm) dưới bất kỳ hình thức.

1. **Ủy thác và hợp đồng thứ cấp**
	1. Hợp đồng này mang tính chất riêng biệt đối với các Bên và *[chỉ đưa vào nếu có liên quan, trừ trường hợp cần thiết để tập hợp tất cả các hóa đơn còn lại của đại lý sản xuất]* nếu không có sự đồng ý bằng văn bản trước của bên kia, không bên nào được:
		1. Ủy thác, cầm cố, tính phí hay chuyển giao, giao dịch khác hay bất kỳ hình thức thể chấp nào đối với bất cứ quyền nào của mình; hay
		2. Ký hợp đồng thứ cấp hay bằng một cách nào đó chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho một chủ thể khác.
2. **Thông báo**
	1. Bất kỳ thông báo nào theo hợp đồng này đều phải được lập bằng văn bản (có thể bằng email) và có thể được trao bằng cách để hoặc gửi đến địa chỉ của bên kia như được nêu tại Điều 14.2 dưới đây, theo cách thức mà có thể chứng minh được rằng thông báo đá được nhận.
	2. Nhằm mục đích tại Điều 14.1, các chi tiết của việc thông báo sẽ như sau, trừ khi các chi tiết khác đã được thông báo phù hợp với Điều này:

- ;

-

1. **Tính toàn vẹn của hợp đồng**
	1. Hợp đồng này nêu tổng thể toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên. Không bên nào ký hợp đồng này dựa trên bất kỳ trình bày, bảo đảm hay cam kết nào của bên kia mà không được quy định rõ ràng hay được dẫn chiếu đến trong hợp đồng này. Điều khoản này không loại bỏ bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào từ nhầm lẫn do lừa dối. *[Tùy chọn, có thể bổ sung thêm đoạn sau nếu thấy liên quan: “Hợp đồng này thay thế bất kỳ thỏa thuận hay ghi nhớ nào trước đó liên quan đến đối tượng hợp đồng”.]*
	2. Hợp đồng này không được phép thay đổi trừ khi có thỏa thuận của các Bên bằng văn bản (bao gồm cả email). *[Có thể thêm nếu Điều 11.4 hoặc tương đương được đưa vào hợp đồng này. “Hoặc theo Điều 11.4”].*
2. **Ảnh hưởng của các quy định vô hiệu hay không thể thực hiện**

Nếu một điều khoản bất kỳ của hợp đồng này bị một tòa án hay cơ quan có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu hay không thể thực hiện được toàn bộ hay một phần, các điều khoản khác và phần còn lại của các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực, trừ khi có kết luận rằng trong trường hợp nếu thiếu các điều khoản bị vô hiệu đó thì các Bên lẽ ra đã không ký hợp đồng này. Các bên phải thực hiện tất cả các nỗ lực hợp lý để thay thế các điều khoản bị vô hiệu bằng các điều khoản có hiệu lực theo luật áp dụng và gần nhất với mục đích ban đầu của hai bên.

1. **Các loại chấp thuận/phê chuẩn**
	1. Hợp đồng này là có điều kiện, phụ thu vào việc trước đó có đạt được các chấp thuận/phê chuẩn dưới đây hay *không [nêu cụ thể các loại chấp thuận/phê chuẩn hay các điều kiện khác cần thiết theo yêu cầu của (ví dụ) cơ quan quản lý hoặc cơ quan chính phủ]*:
* ;
* ;
* ;
	1. Bên liên quan phải thực hiện tất cả các nỗ lực hợp lý để có được các chủ thuận/phê chuẩn đó và phải thông báo bên kia ngay lập tức về bất kỳ khó khăn nào gặp phải.
1. **Thủ tục giải quyết tranh chấp**
	1. Nếu một tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này, các bên phải cố gắng giải quyết trên tinh thần hòa giải. Các bên phải cân nhắc chỉ định một chủ thể trung gian hỗ trợ việc giải quyết tranh chấp. Không bên nào được phép khởi kiện ra tòa án hay trọng tài trừ khi có thông báo cho bên kia bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày.
	2. Bất kỳ tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng (bao gồm cả việc ký kết, giải thích, thực hiện, vì phạm, chấm dứt hay vô hiệu) phải được giải quyết cuối cùng theo quy tắc tố tụng của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bởi một Hội đồng Trọng tài gồm *[nêu cụ thể số lượng trọng tài viên, ví dụ, một trọng tài duy nhất, hoặc ba trọng tài viên]* được chỉ định theo các quy tắc tố tụng nói trên. Nơi tiến hành tố tụng trọng tài sẽ là *[nêu cụ thể].* Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là *[nêu cụ thể].*
2. **Luật áp dụng**

*[Nêu cụ thể luật quốc gia]* sẽ áp dụng cho hợp đồng này. Không áp dụng Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (Công ước Viên về Mua bán Hàng hóa 1980 – CISG).

1. **Mô tả Đặc điểm của Hàng hóa cần được sản xuất**

Phụ lục này mô tả Hàng hóa được sản xuất và cung cấp bởi Nhà Sản xuất cho Khách hàng cùng với các số liệu kỹ thuật cần thiết, dung sai,…

1. **Giá**
	1. Giá Hàng hóa sẽ là giá khi giao được tính như sau:

 (nêu rõ loại tiền)

* 1. Nêu phương pháp phát hành hóa đơn (định kỳ…………………………)
	2. *[Nếu có]* Giá Hàng hóa không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
1. **Thiết bị**

*[Nếu có (xem Điều 1.5), nêu cụ thể thiết bị của Khách hàng được chuyển cho Nhà sản xuất sử dụng]*

1. **Điều khoản mua bán**

NGÀY VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC BÊN

|  |  |
| --- | --- |
| Nhà Sản xuất | Khách hàng |
| Ngày: …...…………………………… | …………………………………… |
| Tên: ………………………………….. | …………………………………… |
| Chữ ký | Chữ ký |

*\*Nguồn trích dẫn: Hợp đồng mẫu cho các doanh nghiệp nhỏ - Hướng dẫn pháp lý cho hoạt động kinh doanh quốc tế (Tiếng Anh: Model contracts for small firms – Legal guidance for doing international business), Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), dịch thuật bởi Trung tâm WTO và Hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)*